

PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH HỌC LIỆU TÌNH HUỐNG DỰA TRÊN THỰC TIỄN DOANH NGHIỆP TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH VÀ BIÊN - PHIÊN DỊCH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Dương Thị Tuyết Lan
Trường Cao đẳng Trần Đại Nghĩa

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp, việc thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết giảng đường và yêu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp đóng vai trò quyết định đến năng lực thực thi nghề nghiệp của người học. Bài viết nghiên cứu quy trình chuyển hóa nguồn tri thức thực tiễn thu thập từ hoạt động trải nghiệm thực tế của giảng viên tại doanh nghiệp thành hệ thống bài tập tình huống ứng dụng trong giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành (ESP) Thương mại và Biên - Phiên dịch. Thông qua việc đề xuất quy trình 03 bước chuẩn hóa (Khử trùng thông tin/bảo mật, Xây dựng kịch bản tình huống theo nguyên tắc KISS, và Thiết kế nhiệm vụ hành động) cùng các bài tập minh họa mang tính liên ngành, nghiên cứu đề xuất giải pháp phương pháp luận giúp giảng viên chủ động làm mới ngân hàng học liệu. Kết quả phân tích định hướng cho thấy mô hình này không chỉ tăng cường phản xạ nghề nghiệp và tư duy phân biện cho sinh viên mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo định hướng ứng dụng tại các trường cao đẳng.

Từ khóa: Tiếng Anh chuyên ngành (ESP), Biên - Phiên dịch, Học liệu thực tiễn, Tình huống doanh nghiệp, Nguyên tắc KISS, Giáo dục nghề nghiệp.

DEVELOPING A CASE STUDY MODEL BASED ON BUSINESS PRACTICES IN SPECIALIZED ENGLISH TEACHING AND TRANSLATION AND INTERPRETATION AT VOCATIONAL EDUCATION INSTITUTIONS

Abstract: In the context of vocational education reform, bridging the gap between academic instruction and real-world corporate expectations plays a decisive role in enhancing graduates' professional competence. This paper investigates the process of converting empirical industry knowledge—accumulated through lecturers' corporate immersion programs—into practical, scenario-based learning materials for teaching Commercial English for Specific Purposes (ESP) and Translation/Interpreting. By establishing a standardized three-step framework (De-identification & confidentiality, Scenario building based on the KISS principle, and Action-oriented task design) alongside cross-disciplinary illustrative tasks, the study offers a pedagogical solution that empowers educators to systematically update instructional resources. The strategic evaluation indicates that this enterprise-integrated model not only sharpens students' professional reflexes and critical thinking but also significantly elevates application-oriented training quality in vocational higher education.

Keywords: English for Specific Purposes (ESP), Translation and Interpreting, Enterprise-based Learning Materials, Corporate Scenarios, KISS Principle, Vocational Education.

Nhận bài: 20/08/2026

Phản biện: 20/09/2026

Duyệt đăng: 23/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến lược đổi mới sâu rộng giáo dục nghề nghiệp (TVET) hiện nay, việc gắn kết hữu cơ giữa bậc giảng và thực tiễn vận hành của doanh nghiệp được xem là triết lý cốt lõi nhằm tối ưu hóa chất lượng nguồn nhân lực đầu ra. Đối với khối ngành Ngoại ngữ thương mại, năng lực cạnh tranh cốt lõi của học sinh - sinh viên không chỉ dừng lại ở trình độ thụ động về ngữ pháp hay từ vựng đơn thuần, mà nằm ở phản xạ ngôn ngữ ứng biến, khả năng giải quyết các vụ việc hành chính, thương mại và biên - phiên dịch trong môi trường công sở đa văn hóa. Tuy nhiên, một thực trạng phổ biến trong công tác đào tạo Tiếng Anh chuyên ngành (ESP) và Biên - Phiên dịch tại nhiều cơ sở đào tạo là sự phụ thuộc vào các giáo trình mang tính học thuật thuần túy, nội dung vĩ mô hoặc đã lạc hậu so với nhịp độ chuyển động nhanh chóng của thị trường lao động. Nhằm khắc phục khoảng cách

này, hoạt động thực tập thực tế của giảng viên tại doanh nghiệp đóng vai trò là “máy tổng hợp” thông tin, giúp tích lũy nguồn ngữ liệu sống động về quy trình vận hành, dòng chảy văn bản và kịch bản tương tác nhân sự thực tế. Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu tiến hành đề xuất: “Phát triển mô hình học liệu tình huống dựa trên thực tiễn doanh nghiệp trong giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành và Biên - Phiên dịch tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp”. Nghiên cứu kỳ vọng xây dựng một khung phương pháp luận sư phạm giúp giảng viên chuyên hóa tri thức doanh nghiệp thực tế thành hệ thống bài tập tình huống tinh gọn theo nguyên tắc KISS (Keep It Short and Simple), góp phần đổi mới toàn diện phương pháp giảng dạy và nâng cao tính ứng dụng của chương trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HOTECH).

Nghiên cứu nhằm mục đích xây dựng khung quy trình chuẩn mực giúp giảng viên thu thập, xử lý và “sự phạm hóa” các dữ liệu, biểu mẫu, kịch bản giao tiếp thu thập từ doanh nghiệp thành học liệu giảng dạy. Xây dựng các mô hình bài tập tình huống điển hình có tính linh hoạt cao, ứng dụng cho hai phân khúc cốt lõi: Giao tiếp/Văn bản Tiếng Anh Thương mại và Kỹ năng Biên - Phiên dịch chuyên ngành. Mô hình được nghiên cứu và thử nghiệm định hướng trên đối tượng giảng viên và HS-SV khối ngành Ngoại ngữ thương mại tại HOTECH, dựa trên nguồn dữ liệu thực nghiệm thu thập tại Công ty Cổ phần Đất Nam Holdings giai đoạn 2025 - 2026.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Nhận diện và phân loại nguồn tri thức thực tiễn doanh nghiệp làm chất liệu học liệu

Trong quá trình đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng tăng cường gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, việc khai thác tri thức thực tiễn từ môi trường sản xuất - kinh doanh để chuyển hóa thành học liệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Qua quá trình khảo sát, quan sát và trực tiếp cạo xát tại các phòng ban chuyên môn của doanh nghiệp như Phòng Nhân sự, Phòng Kinh doanh, Bộ phận Pháp lý - Đối ngoại, giảng viên có điều kiện tiếp cận những tình huống nghề nghiệp thực, cách thức giao tiếp, hệ thống văn bản và ngôn ngữ chuyên môn đang được sử dụng trong công việc hằng ngày. Đây là nguồn tri thức có giá trị cao bởi không chỉ phản ánh yêu cầu của thị trường lao động mà còn giúp thu hẹp khoảng cách giữa nội dung giảng dạy trong nhà trường với năng lực thực tế mà doanh nghiệp mong đợi ở người học sau khi tốt nghiệp. Từ nguồn dữ liệu thực tiễn này, giảng viên có thể nhận diện và hệ thống hóa thành ba nhóm chất liệu học liệu cốt lõi.

Nhóm thứ nhất là hệ thống văn bản hành chính - thương mại chuẩn mực. Đây là nhóm học liệu có tính ứng dụng trực tiếp cao, phản ánh những dạng văn bản mà người lao động thường xuyên phải đọc, soạn thảo hoặc xử lý trong môi trường doanh nghiệp. Các tài liệu tiêu biểu có thể bao gồm thư chào hàng, báo giá, thư phản hồi khiếu nại của khách hàng, bản mô tả công việc, tiêu chí đánh giá nhân sự, thông báo nội bộ, thư mời họp, biên bản làm việc hoặc một số biểu mẫu giao dịch thương mại. Giá trị của nhóm học liệu này nằm ở việc giúp người học tiếp cận không chỉ cấu trúc ngôn ngữ mà còn cả quy chuẩn trình bày, phong cách diễn đạt, mức độ trang trọng và logic nghề nghiệp của từng loại văn bản. Chẳng hạn, khi phân tích

một thư phản hồi khiếu nại khách hàng, sinh viên không chỉ học cách sử dụng từ ngữ lịch sự mà còn phải hiểu trình tự xử lý vấn đề, cách xác nhận trách nhiệm, đề xuất phương án và duy trì quan hệ với khách hàng. Do đó, nhóm học liệu này đặc biệt phù hợp với các môn ngoại ngữ chuyên ngành, kỹ năng hành chính, giao tiếp doanh nghiệp và nghiệp vụ văn phòng.

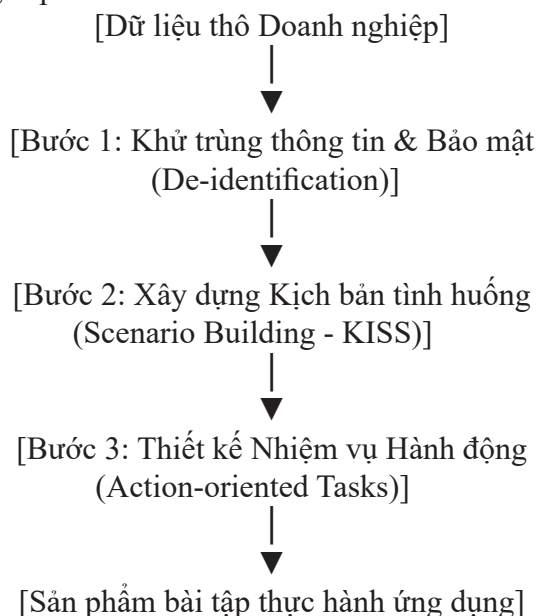
Nhóm thứ hai là các kịch bản tương tác hành vi và đàm phán thương mại. Nếu nhóm thứ nhất tập trung vào sản phẩm văn bản thì nhóm này phản ánh trực tiếp cách con người tương tác trong môi trường nghề nghiệp. Các tình huống có thể được khai thác từ cuộc họp giao ban, quy trình phỏng vấn tuyển dụng, trao đổi giữa nhân viên với cấp quản lý, thương lượng giá cả, đàm phán điều khoản hợp đồng, xử lý bất đồng với khách hàng hoặc quá trình ký kết dự án. Đây là nguồn chất liệu có giá trị lớn trong phát triển kỹ năng giao tiếp, phản biện, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Giảng viên có thể chuyển các tình huống thực tế thành bài tập nhập vai, mô phỏng hoặc nghiên cứu tình huống để người học luyện tập trong điều kiện gần với môi trường việc làm. Ví dụ, từ một tình huống doanh nghiệp thương lượng về thời hạn thanh toán và mức chiết khấu, giảng viên có thể thiết kế hoạt động đóng vai giữa đại diện bên mua và bên bán, yêu cầu sinh viên chuẩn bị lập luận, phản hồi và tìm kiếm phương án thỏa thuận. Qua đó, người học không chỉ rèn luyện ngôn ngữ mà còn phát triển khả năng xử lý hành vi nghề nghiệp.

Nhóm thứ ba là hệ ngữ liệu và thuật ngữ chuyên ngành có độ phức tạp cao. Trong hoạt động doanh nghiệp, nhiều văn bản sử dụng những khái niệm chuyên môn mà sinh viên ít có cơ hội tiếp xúc đầy đủ trong giáo trình thông thường. Đó có thể là thuật ngữ về pháp lý kinh doanh, quản trị dòng tiền, chiết khấu thương mại, quy hoạch, tài chính doanh nghiệp, hợp đồng, nghĩa vụ pháp lý hoặc quản trị rủi ro. Những thuật ngữ này thường mang tính ngữ cảnh cao, nghĩa là người học không thể chỉ tra từ điển mà cần hiểu chúng trong mối quan hệ với tình huống nghề nghiệp cụ thể. Vì vậy, việc thu thập và tổ chức hệ ngữ liệu thực tế giúp giảng viên xây dựng kho thuật ngữ chuyên ngành gắn với câu, đoạn văn, biểu mẫu và tình huống sử dụng thực tế. Chẳng hạn, khi học khái niệm “chiết khấu thương mại”, sinh viên có thể được tiếp cận đồng thời báo giá, điều khoản thanh toán và tình huống đàm phán để hiểu rõ thuật ngữ được sử dụng như thế nào trong quan hệ kinh doanh.

Việc phân loại tri thức doanh nghiệp thành ba nhóm trên giúp giảng viên chuyển hóa nguồn dữ liệu thực tiễn vốn phân tán thành hệ thống học liệu có cấu trúc, dễ khai thác và phù hợp với mục tiêu đào tạo. Quan trọng hơn, quá trình này tạo ra một chu trình kết nối giữa doanh nghiệp - giảng viên - học liệu - người học, trong đó thực tiễn nghề nghiệp trở thành đầu vào cho đổi mới phương pháp giảng dạy. Khi được chọn lọc, chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên, các chất liệu học liệu từ doanh nghiệp sẽ góp phần tăng tính thực hành, nâng cao năng lực nghề nghiệp, khả năng giao tiếp và mức độ sẵn sàng tham gia thị trường lao động của học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Khung quy trình 03 bước chuyển hóa dữ liệu doanh nghiệp thành học liệu tình huống (Áp dụng nguyên tắc KISS)

Để nguồn dữ liệu thô từ doanh nghiệp trở thành bài tập thực hành có tính sư phạm cao, tác giả đề xuất quy trình 03 bước tinh gọn, quán triệt nguyên tắc KISS (Keep It Short and Simple) nhằm đảm bảo tính vừa sức đối với sinh viên trình độ sơ - trung cấp:



Bước 1 - Khử trùng thông tin và bảo mật (De-identification): Tiến hành mã hóa hoặc lược bỏ toàn bộ các dữ liệu bảo mật của doanh nghiệp (tên đối tác, số liệu tài chính nhạy cảm, thông tin cá nhân). Thay thế bằng dữ liệu giả định nhưng giữ nguyên cấu trúc cú pháp, thể thức văn bản và thuật ngữ cốt lõi.

Bước 2 - Xây dựng kịch bản tình huống thực hành (Scenario Building): Áp dụng nguyên tắc KISS để cô đọng ngữ cảnh. Đặt sinh viên vào một vị trí công việc cụ thể (ví dụ: Chuyên viên Truyền thông, Thư ký Đối ngoại, Trợ lý Nhân sự) với một

xung đột hoặc nhiệm vụ rõ ràng cần giải quyết.

Bước 3 - Thiết kế nhiệm vụ hành động (Action-oriented Tasks): Chuyển từ hình thức kiểm tra lý thuyết thuần túy sang các yêu cầu tạo ra sản phẩm đầu ra cụ thể (Output-based outputs) như: viết email phản hồi, thực hiện cuộc gọi giao dịch, dịch thuật văn bản hoặc phiên dịch ứng khẩu.

2.3. Minh họa các mô hình bài tập thực hành đổi mới phương pháp giảng dạy

2.3.1. Phân khúc Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại (Business English)

Bài tập 1: Soạn thảo văn bản thương mại xử lý khiếu nại

Nguồn tri thức thực tiễn: Quy trình giải quyết khiếu nại của Bộ phận Dịch vụ Khách hàng liên quan đến tiến độ hoàn thiện thủ tục pháp lý dự án và việc đối chiếu các văn bản pháp quy (như Thông tư 99/2025/TT-BTC).

Mô tả nhiệm vụ: Sinh viên đóng vai Chuyên viên Đối ngoại tiếp nhận một email khiếu nại gay gắt bằng Tiếng Anh từ đối tác nước ngoài. Sinh viên vận dụng mô hình “Lắng nghe - Đồng cảm - Đề xuất giải pháp” để soạn thảo email phản hồi chuẩn văn phong công sở, giải thích ngắn gọn các quy định pháp lý liên quan theo nguyên tắc KISS nhưng vẫn giữ thái độ chuyên nghiệp, lịch sự.

Bài tập 2: Sàng lọc hồ sơ và điều phối quy trình tuyển dụng

Nguồn tri thức thực tiễn: Quy trình tuyển dụng thực tế và bộ tiêu chí đánh giá ứng viên dựa trên từ khóa kỹ năng (sự chủ động, khả năng chịu áp lực, làm việc nhóm) tại Phòng Nhân sự.

Mô tả nhiệm vụ: Giảng viên cung cấp một bản Mô tả công việc (JD) Tiếng Anh thực tế. Sinh viên phân tích JD, thiết kế Hồ sơ cá nhân (CV) tương ứng và thực hành viết Thư mời phỏng vấn (Interview Invitation) hoặc Thư từ chối (Rejection Letter) đạt chuẩn giao tiếp thương mại.

2.3.2. Phân khúc Biên - Phiên dịch chuyên ngành

Bài tập 3: Biên dịch thương mại gắn liền tư duy phản biện (Critical Thinking Translation)

Nguồn tri thức thực tiễn: Hồ sơ giới thiệu dự án, hợp đồng nguyên tắc và văn bản pháp lý giao dịch bất động sản thương mại tại doanh nghiệp.

Mô tả nhiệm vụ: Giảng viên trích xuất một đoạn văn bản thô (chưa qua biên tập) chứa thuật ngữ chuyên ngành phức tạp (land-use rights, legal framework, commercial discount, building density). Sinh viên làm việc theo nhóm, áp dụng tư duy phản biện để đối chiếu thuật ngữ với các nguồn tài liệu mở uy tín (như UNESCO Digital

Library). Nhiệm vụ của sinh viên là chuyển ngữ đoạn văn bản sang Tiếng Anh đảm bảo tính chính xác về mặt luật định và độ tinh gọn cao, khắc phục triệt để lỗi dịch từ đối từ (word-by-word) gây hiểu lầm trong thương mại.

Bài tập 4: Mô phỏng giao tiếp thương mại và Phiên dịch ứng khẩu (Mock Meeting & Interpreting)

Nguồn tri thức thực tiễn: Bối cảnh các buổi làm việc, tiếp đón và trao đổi nhu cầu ban đầu giữa bộ phận kinh doanh/lễ tân đối ngoại với đối tác nước ngoài.

Mô tả nhiệm vụ (Cuộc họp giả định): Tổ chức buổi làm việc ngắn tại lớp học với tình huống: “Đại diện công ty nước ngoài đến thăm văn phòng và trao đổi nhu cầu thuê mặt bằng làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh”. Sinh viên chia thành 03 nhóm vai: (1) Đại diện doanh nghiệp Việt Nam, (2) Khách hàng nước ngoài và (3) Phiên dịch viên (Interpreter).

Yêu cầu chuyên môn: Sinh viên phiên dịch thực hiện dịch chuỗi (Consecutive Interpreting) các thông tin giao tiếp thương mại cơ bản theo nguyên tắc KISS bao gồm: diện tích mặt bằng, giá thuê theo tháng, thời hạn hợp đồng và số tiền đặt cọc. Bài tập giúp sinh viên rèn luyện phản xạ ngôn ngữ, tác phong đối ngoại chuyên nghiệp và sự tự tin khi dịch ứng khẩu trực tiếp mà không bị áp lực bởi các thuật ngữ chuyên ngành quá phức tạp.

2.4. Đánh giá tiềm năng và định hướng hiệu quả ứng dụng trong giáo dục nghề nghiệp

Mặc dù quá trình chuyển hóa tri thức thực tiễn từ doanh nghiệp thành học liệu phục vụ giảng dạy đòi hỏi giảng viên phải đầu tư thời gian cho việc thu thập, lựa chọn, xử lý và thẩm định sự phạm, mô hình phát triển bài tập tình huống từ môi trường doanh nghiệp vẫn cho thấy tiềm năng ứng dụng rất lớn trong giáo dục nghề nghiệp. Giá trị nổi bật của mô hình nằm ở khả năng rút ngắn khoảng cách giữa kiến thức được giảng dạy trong nhà trường với những yêu cầu thực tế của thị trường lao động, đồng thời tạo ra môi trường học tập có tính mô phỏng cao, giúp người học từng bước hình thành năng lực thực thi nghề nghiệp trước khi tham gia trực tiếp vào doanh nghiệp.

Đối với người học, mô hình góp phần nâng cao rõ rệt năng lực thực thi nghề nghiệp. Thông qua các tình huống được xây dựng từ dữ liệu và quy trình thực tế của doanh nghiệp, sinh viên có cơ hội “nhúng mình” vào một không gian công sở giả định nhưng có mức độ chân thực cao. Người

học không chỉ xử lý những yêu cầu về kiến thức chuyên môn mà còn phải đối diện với áp lực về thời gian, số liệu, yêu cầu phối hợp, giao tiếp và tính chính xác của ngôn ngữ chuyên ngành. Chẳng hạn, khi xử lý một tình huống phản hồi khiếu nại khách hàng, lập báo giá hoặc tham gia mô phỏng đàm phán thương mại, sinh viên phải đồng thời vận dụng kiến thức, kỹ năng giao tiếp và khả năng ra quyết định. Việc được cọ xát sớm với những yêu cầu này giúp hình thành phản xạ nghề nghiệp, tác phong làm việc cẩn trọng và khả năng thích nghi với môi trường doanh nghiệp, qua đó giảm đáng kể sự bỡ ngỡ khi gia nhập thị trường lao động.

Đối với giảng viên và nhà trường, mô hình tạo ra cơ chế đổi mới học liệu liên tục và gắn đào tạo với thực tiễn. Thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào giáo trình hoặc tình huống mô phỏng có tính ổn định, giảng viên có thể thường xuyên cập nhật các văn bản, quy trình, thuật ngữ và tình huống nghề nghiệp mới từ doanh nghiệp để làm giàu nội dung giảng dạy. Đây chính là cầu nối giúp tri thức thực tiễn được chuyển hóa thành tri thức sự phạm có hệ thống. Đối với Khoa Cơ bản - Ngoại ngữ tại HOTECH, hướng tiếp cận này có thể trở thành cơ sở để xây dựng và làm mới ngân hàng học liệu mở, phát triển các bài tập tình huống liên ngành, đồng thời tạo nguồn dữ liệu thực tiễn phục vụ nghiên cứu khoa học ứng dụng của giảng viên.

Về lâu dài, nếu được tổ chức theo quy trình thống nhất từ thu thập dữ liệu, thẩm định, chuẩn hóa đến cập nhật định kỳ, mô hình này không chỉ nâng cao chất lượng học liệu mà còn góp phần củng cố mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp. Qua đó, HOTECH có thể nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực và từng bước khẳng định uy tín của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực nghề nghiệp gắn với yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

III. KIẾN NGHỊ

Để việc chuyển hóa tri thức thực tiễn doanh nghiệp thành học liệu phục vụ giáo dục nghề nghiệp được triển khai một cách có hệ thống, bền vững và tạo ra giá trị sử dụng lâu dài, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà trường, các khoa chuyên môn và đội ngũ giảng viên.

Đối với Nhà trường và các Khoa chuyên môn, cần xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên thành lập các nhóm chuyên môn hoặc nhóm phát triển học liệu theo từng lĩnh vực đào tạo. Các nhóm này có nhiệm vụ thu thập, thẩm định, chuẩn

hóa, đóng góp và cập nhật các tình huống thực tế từ doanh nghiệp, qua đó từng bước hình thành “Ngân hàng học liệu tình huống mở” (Open Case Bank) dùng chung trong toàn trường. Ngân hàng học liệu cần được tổ chức theo từng ngành, môn học, nhóm kỹ năng và mức độ phức tạp để giảng viên có thể dễ dàng lựa chọn, điều chỉnh và tích hợp vào bài giảng. Đồng thời, Nhà trường cần quy định rõ nguyên tắc bảo mật thông tin doanh nghiệp, ẩn danh dữ liệu nhạy cảm, bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ và thiết lập quy trình thẩm định sơ phạm trước khi học liệu được đưa vào sử dụng. Những đóng góp có chất lượng vào ngân hàng học liệu cũng nên được xem xét như một tiêu chí trong đánh giá chuyên môn, nghiên cứu khoa học hoặc đổi mới sáng tạo của giảng viên.

Đối với giảng viên, cần chủ động nâng cao năng lực khai thác và xử lý dữ liệu thực tiễn. Các hồ sơ, văn bản, tình huống hoặc dữ liệu thu thập từ doanh nghiệp cần được phân loại, mã hóa và chuẩn hóa theo mục tiêu học tập, tránh sử dụng nguyên trạng một cách thiếu chọn lọc. Chẳng hạn, một hồ sơ khiếu nại khách hàng có thể được mã hóa theo nhóm kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và viết phản hồi chuyên nghiệp; một bộ hồ sơ tuyển dụng có thể được chuyển hóa thành tình huống phỏng vấn hoặc đánh giá năng lực ứng viên. Việc mã hóa như vậy sẽ giúp học liệu dễ tái sử dụng và thuận lợi cho việc chia sẻ giữa các giảng viên. Giảng viên cần đổi mới phương pháp

kiểm tra, đánh giá sinh viên, chuyển dần từ việc quá chú trọng điểm số lý thuyết sang đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp. Cần tăng cường các hình thức như xử lý tình huống, đóng vai, mô phỏng, thuyết trình, giải quyết vấn đề và phản biện. Tiêu chí đánh giá không chỉ bao gồm kiến thức đúng hay sai mà còn phải xem xét cách giao tiếp, mức độ chính xác, khả năng phối hợp, tinh thần trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp. Qua đó, hoạt động đánh giá sẽ phản ánh đầy đủ hơn mức độ sẵn sàng nghề nghiệp của người học, đồng thời góp phần đưa quá trình đào tạo tại nhà trường tiến gần hơn với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động.

IV. KẾT LUẬN

Phát triển học liệu tình huống từ thực tiễn doanh nghiệp là hướng tiếp cận phù hợp nhằm tăng tính ứng dụng trong giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành và Biên – Phiên dịch. Quy trình ba bước gồm khử định danh và bảo mật thông tin, xây dựng kịch bản theo nguyên tắc KISS và thiết kế nhiệm vụ hành động giúp giảng viên chuyển hóa dữ liệu thực tế thành học liệu có cấu trúc và phù hợp với mục tiêu đào tạo. Việc áp dụng mô hình này góp phần tăng cường khả năng vận dụng kiến thức, phản xạ nghề nghiệp và tư duy xử lý tình huống của người học, đồng thời hỗ trợ giảng viên chủ động cập nhật học liệu và tăng cường gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài chính Việt Nam. (2025). Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 về việc Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. (2026), Báo cáo tổng kết hoạt động thực tập thực tế tại doanh nghiệp của giảng viên, Lưu hành nội bộ.
- Ellet, W. (2018). The Case Study Handbook: A Student's Guide, Harvard Business Review Press.
- UNESCO. (2023). Foundation of Digital Citizenship and Critical Thinking Skills, UNESCO Digital Library. <https://unesdoc.unesco.org>.